

Số: /KH-MGPH

Phước Hậu, ngày 20 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Năm học 2024-2025

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 13/4/2021, hợp nhất về Chương trình GDMN theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009, thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 8102/QĐ-UBND, ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Long An, Quyết định ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ vào tình hình thực tế, Trường Mẫu giáo Phước Hậu xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số điểm trường

Tổng số điểm trường : 02 điểm (áp Long Khánh, Long Giêng).

Số điểm trường đang hoạt động: 02 (điểm áp Long Khánh, Long Giêng).

2 Về đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên: gồm 33 CBGVNV

- Cán bộ quản lý: 02 (2 ĐHSP)
- Giáo viên: 20 (17 ĐHSPMN, 3 CĐSPMN)
- Nhân viên: 11 (01 nhân viên YTHĐ, 01 nhân viên Kế toán, 02 bảo vệ, 01 phục vụ và 06 nhân viên nấu ăn)

3. Tình hình lớp, học sinh

Tổng số trẻ học tại trường là 315 cháu được chia làm 10 lớp. Trong đó có 01 lớp Mầm 25 cháu; 4 lớp Chồi với 113 cháu; 05 lớp Lá với 176 cháu.

2 Thuận lợi và khó khăn

* Thuận lợi

- Được sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền địa phương, phụ huynh học sinh.
- Được cấp trên đầu tư tương đối đầy đủ các trang thiết bị.
- Giáo viên đa số đều yêu nghề, mến trẻ, có cố gắng trong công tác
- Trường chỉ có 2 điểm trường, nên rất thuận tiện trong việc hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau cũng như trong công tác giám sát, kiểm tra.

* Khó khăn:

Một số giáo viên mới chưa có kinh nghiệm trong phương pháp cũng như hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục.

II/ MỤC TIÊU NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

1. Mục tiêu chung

a. Phát triển thể chất

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động : nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

b. Phát triển nhận thức

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

c. Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.

d. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

e. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Về học sinh

*** Công tác nuôi dưỡng chăm sóc**

- 100% trẻ đến trường được an toàn về thể chất và tinh thần.
- Đảm bảo 100% trẻ được khám sức khỏe 1 lần/năm và theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ phát triển.
- 100% trẻ được giáo dục kỹ năng sống phù hợp độ tuổi.
- 100% trẻ tham gia thực hiện chăm sóc, bảo vệ răng miệng, biết giữ gìn vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh có hiệu quả.
- 100 % trẻ được theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới (cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng theo chiều cao (trẻ 01 đến 60 tháng) hoặc BMI theo tuổi (trẻ 61 đến 78 tháng).
- Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng từ 1-2 % so với đầu năm học. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thể thấp còi đến cuối năm không quá 4%. Tỷ lệ trẻ béo phì không tăng so đầu năm học.
- Đảm bảo 100 % trẻ 3-5 tuổi đều được học bán trú.
- 100% trẻ được đảm bảo đủ năng lượng trong ngày cho trẻ tại trường mầm non. Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ, đảm bảo nhu cầu năng lượng của trường khoảng 615 - 726Kcal/trẻ/ngày. Trong đó: bữa chính cung cấp từ 30 – 35% năng lượng cả ngày; bữa phụ từ 15 – 25% năng lượng cả ngày.

*** Công tác giáo dục**

- Duy trì sĩ số thường xuyên: trên 93%, trong đó 5 tuổi đạt trên 96%.
- Tỷ lệ Bé ngoan: trên 94 %; chuyên cần trên 97%.

- Khảo sát đánh giá trẻ các độ tuổi đạt yêu cầu: 95-100%. Trẻ 5 tuổi: 100%.

Cụ thể:

+ *Lĩnh vực phát triển thể chất*: Phần đầu 95 – 100% trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cân nặng và chiều cao phát triển phù hợp theo tuổi. Thực hiện được các vận động cơ bản theo độ tuổi...

+ *Lĩnh vực phát triển nhận thức*: Phần đầu 95 – 100% trẻ ham hiểu biết, thích tìm tòi khám phá hiện tượng, sự vật xung quanh. Có khả năng quan sát, ghi nhớ, phán đoán, phát hiện và giải quyết các vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. Có khả năng diễn đạt bằng các cách khác nhau (hành động, bằng lời nói, hình ảnh...).

+ *Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ*: Phần đầu 95 - 100% trẻ có khả năng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. Có khả năng diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau. Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của thơ ca và ngữ điệu của lời nói, câu chuyện. Với trẻ mẫu giáo có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc, viết, trẻ tự tin trong giao tiếp và từng bước thực hiện nhân rộng mô hình cho trẻ MG làm quen với Tiếng anh qua phần mềm.

+ *Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ*: Phần đầu 95 – 100% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn trong giao tiếp. Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. Có một số phẩm chất cá nhân, kỹ năng sống và thực hiện một số quy tắc, quy định ở gia đình, trường lớp, cộng đồng gần gũi.

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình: 100%

- 100% trẻ biết một số kỹ năng bảo vệ sức khỏe, ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, lao động tự phục vụ.

- 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá theo mục tiêu và được chuẩn bị tốt tâm thế vào lớp Một. Tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp 1.

- Trẻ biết giao tiếp, ứng xử với bạn bè, cô giáo và mọi người qua lời nói, cử chỉ. Trẻ biết lễ phép với người lớn, xưng hô đúng chuẩn mực.

Về giáo viên

- 100% giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn theo quy định của cấp học. Thực hiện ứng dụng CNTT vào việc tổ chức dạy học.

- 100% CBGV thực hiện đầy đủ hồ sơ sổ sách theo quy định. Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, các hoạt động dự giờ phần đầu có tiết dạy đạt từ loại khá trở lên, không có tiết xếp loại yếu kém.

- 100% GV biết xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đầy đủ các hoạt động một ngày của trẻ. Tổ chức hoạt động giáo dục lồng ghép phương pháp giáo dục stem/steam một cách nhẹ nhàng có giáo án và đồ dùng dạy học.

- 100% cán bộ giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh.

- 100% cán bộ giáo viên không vi phạm đạo đức nhà giáo, đảm bảo an toàn tuyệt đối về mặt thể chất và tinh thần cho trẻ.

- 100% giáo viên cam kết không đánh mắng, dọa nạt trẻ, không để trẻ xảy ra tai nạn thương tích.

- Phần đầu xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non: trên 70% xếp loại từ khá trở lên.

- 100% giáo viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên

- 100% giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy học theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, thực hiện tích hợp các nội dung giáo dục an toàn giao thông, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, bảo vệ môi trường tài nguyên biển, hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép tích hợp nội dung học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh và giáo dục phát triển vận động, giáo dục lễ giáo vào chương trình đạt hiệu quả.

- 100% giáo viên đảm bảo thực hiện đúng đủ, linh hoạt sáng tạo khi tổ chức thực hiện chương trình.

- 100% giáo viên phải tự làm ĐDDC và sưu tầm phế liệu làm ĐDDC theo chủ đề và chuẩn bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi, học liệu cho cô và trẻ.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian 35 tuần

Học kì 1: Từ ngày 06/09/2024 đến 10/01/2024 (18 tuần)

Học kì 2: Từ ngày 13/01/2025 đến 16/5/2025 (17 tuần)

IV NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC

1. Nội dung, thời gian.

Dự kiến thời gian thực hiện các chủ đề trong năm của 3 khối lớp cụ thể như sau:

* Khối mầm:

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	NGÀY THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			06/09/2024	ôn
01	Trường mầm non	04	09/09- 04/10/2024	
02	Bản thân	04	07/10-01/11/2024	
03	Gia đình	04	04/11-29/11/2024	
04	Ngành nghề	04	02/12- 27/12/2024	
05	Tết mùa xuân	02	30/12- 10/01/2025	
06	Thực vật	03	13/01-07/02/2025	
07	Nước &HTTN	03	10/02- 07/03/2025	
08	Thế giới động vật	04	10/03-28/03/2025	
09	Giao thông	04	31/03 -25/04/2025	

10	Quê hương thủ đô Bác Hồ	03	28/04- 16/05/2025	
----	-------------------------	----	-------------------	--

*** Khối chồi**

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	NGÀY THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			06/09/2024	ôn
01	Trường mầm non	03	09/09- 27/09/2024	
02	Bản thân	03	30/09-18/10/2024	
03	Gia đình	04	21/10-15/11/2024	
04	Ngành nghề	04	18/11- 12/12/2024	
05	Hiện tượng tự nhiên	03	16/12- 03/01/2025	
06	Tết và mùa xuân	02	06/01- 17/01/2025	
07	Thế giới động vật	05	20/01- 28/02/2025	
08	Thế giới thực vật	04	03/03 -28/03/2025	
09	Phương tiện và luật lệ giao thông	04	31/03 -25/04/2025	
10	Quê hương thủ đô Bác Hồ	03	28/04- 16/05/2025	

Khối lá:

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	NGÀY THỰC HIỆN	GHI CHÚ
			06/09/2024	ôn
01	Trường mầm non	03	09/09-27/9/2024	
02	Bản thân	03	30/09-18/10/2024	
03	Gia đình	03	21/10-08/11/2024	
04	Ngành nghề	04	11/11-06/12/2024	
05	Nước và HTTN	03	09/12-27/12/2024	
06	Thực vật & Lễ hội	05	30/12-07/02/2025	
07	Động vật	05	10/02-14/03/2025	
08	Phương tiện và luật lệ giao thông	04	17/03-11/04/2025	
09	Quê hương thủ đô Bác Hồ	03	14/04-02/05/2025	
10	Trường tiểu học	02	05/5-16/5/2025	

IV. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Quản lí chỉ đạo về công tác chuyên môn

- Thực hiện xây dựng và triển khai KH thực hiện giáo dục theo Chương trình GDMN sau sửa đổi theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT đến toàn thể giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể: Đánh giá điều kiện thực tiễn, mục đích cần đạt và đề ra các biện pháp cụ thể giao trách nhiệm phân công cụ thể cho giáo viên thực hiện về nội dung, thời gian hoàn thành.

- Phát huy vai trò, tính sáng tạo của giáo viên trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường. Phát huy kinh nghiệm của đội ngũ lớn tuổi và sự năng động sáng tạo của đội ngũ trẻ. Bố trí sắp xếp lớp cho giáo viên có khả năng khác nhau trong chuyên môn để hỗ trợ và giúp đỡ nhau cùng nâng cao tay nghề.

- Giám sát chặt chẽ giáo viên thực hiện chế độ sinh hoạt trong ngày của cô và trẻ: Thực hiện đầy đủ, đúng giờ các hoạt động trong ngày của trẻ thông qua quản lý lịch báo giảng, thăm lớp.

- Thường xuyên phát động, tổ chức, tham gia các phong trào thi đua giờ dạy tốt, làm đồ dùng dạy học, để hỗ trợ tốt cho công tác giảng dạy và bồi dưỡng cho giáo viên.

- Thực hiện đánh giá đúng năng lực của giáo viên, phân công giao việc phù hợp.

- Tổ chức hội giảng, thao giảng, kịp thời rút kinh nghiệm cho giáo viên.

- Tạo điều kiện để giáo viên lựa chọn nội dung giảng dạy, linh hoạt trong việc sử dụng phương pháp tổ chức các hoạt động trong từng lĩnh vực: Phát triển thể chất, Nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội, thẩm mỹ tạo cơ hội giúp trẻ được quan sát trải nghiệm, khám phá theo nhiều cách khác nhau.

- Yêu cầu giáo viên không dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ, đảm bảo chuẩn bị tốt các kỹ năng cần thiết cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1.

2. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Thực hiện đánh giá trên sự phát triển của từng trẻ, tránh cào bằng. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

Yêu cầu giáo viên thực hiện rèn luyện kỹ năng quan sát, ghi chép, đánh giá trẻ kịp thời, khách quan, từ đó điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ. Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục.

Thực hiện lưu trữ minh chứng trong quá trình đánh giá vào hồ sơ cá nhân trẻ
Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả đánh giá trẻ của giáo viên các lớp.

3 Công tác kiểm tra đánh giá giáo viên

- Ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên dựa trên những điều kiện, tình hình thực tế của lớp. Xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động sư phạm 30% giáo viên trưởng, kiểm tra chuyên đề với tỉ lệ 30 % giáo viên tại trường.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ giáo viên về tầm quan trọng của công tác kiểm tra đánh giá hoạt động của giáo viên.
- Xây dựng kế hoạch dự giờ thao giảng tại trường.
- + Tăng cường dự giờ giáo viên mới, nhóm lớp điểm, giáo viên có năng lực chuyên môn còn hạn chế.
- + Việc dự giờ sau mỗi buổi đều có góp ý, thống nhất về chuyên môn, tổ chức rút kinh nghiệm cho giáo viên để giúp giáo viên rút kinh nghiệm về công tác chuyên môn.
- + Phó hiệu trưởng dự 5-6 hoạt động/tháng; mỗi tổ trưởng chuyên môn đi dự giờ giáo viên ít nhất 1 giờ/ tuần.
- Tổ chuyên môn: kiểm tra hồ sơ của giáo viên trong tổ ít nhất 1 lần/tháng.
- Nhà trường thực hiện công khai lịch kiểm tra, hình thức kiểm tra. Trong đó hình thức kiểm tra phải gọn nhẹ, không gây tâm lí nặng nề, áp lực cho người được kiểm tra.
- Phân công khối trưởng thực hiện giám sát, kiểm tra các hoạt động giảng dạy của các giáo viên trong khối, kịp thời nhắc nhở để giáo viên điều chỉnh trong việc tổ chức các hoạt động.
- Thường xuyên kiểm tra giáo viên trong công tác soạn giảng, xây dựng môi trường giáo dục, công tác đánh giá trẻ, việc làm đồ dùng đồ chơi phục vụ các chủ điểm.
- Thực hiện đánh giá giáo viên theo tháng, đánh giá theo học kì, đánh giá cuối năm.

4. Công tác bồi dưỡng giáo viên

- Thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT. Bên cạnh đó yêu cầu giáo viên thực hiện cho trẻ được ứng dụng, trải nghiệm thực tế các trò chơi Kismast, lồng phương pháp giáo dục steam nhẹ nhàng vào các hoạt động tại lớp.
- Cung cấp tài liệu cho giáo viên về chương trình GDMN; Bồi dưỡng thường xuyên; Bộ chuẩn trẻ em 5 tuổi; Điều lệ trường MN; Quy chế chuyên môn...
- Tạo điều kiện cho đội ngũ học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Khuyến khích giáo viên tham gia học bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao tinh thần tự học, tự rèn.
- Bồi dưỡng và kiểm tra chặt chẽ việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục của các khối, lớp: Mục tiêu yêu cầu phù hợp với độ tuổi, khả năng phát triển của trẻ, lựa chọn các hoạt động mới lạ phát huy khả năng tích cực, trải nghiệm cho trẻ. Yêu cầu hồ sơ, giáo án đầy đủ, không chồng chéo, ôm đồm, chú ý tới mục tiêu, yêu cầu đã đề ra đảm bảo về kiến thức, kỹ năng thái độ chú ý về rèn kỹ năng cho trẻ phù hợp với điều kiện trường lớp, số học sinh và thời gian tổ chức hoạt động.
- Hướng dẫn, khuyến khích GVMN khai thác sử dụng tài liệu, học liệu trực

tuyến hiệu quả, đúng quy định; ứng dụng các phương tiện, kỹ thuật, công nghệ để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng tương tác với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”.

- Hướng dẫn giáo viên khai thác các nội dung giáo dục tích hợp trong quá trình giáo dục cho trẻ: Giáo dục An toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, tài nguyên, hải đảo; Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, biến đổi khí hậu vào chủ đề một cách nhẹ nhàng, hợp lý, phù hợp với trẻ mầm non. Khi tích hợp theo chủ đề, tích hợp theo ngày cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động giáo dục. Trong quá trình giảng dạy yêu cầu giáo viên đặc biệt coi trọng việc hình thành kỹ năng sống cho trẻ thông qua các hoạt động trong ngày: Rèn kỹ năng tự phục vụ, nề nếp sinh hoạt thói quen vệ sinh, tự lập, biết quan tâm đến mọi người, mạnh dạn trong giao tiếp, thân thiện với bạn, lễ phép với người lớn...

- Ban lãnh đạo nhà trường tích cực học tập, nghiên cứu các văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nắm vững chuyên môn để có góp ý, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc kịp thời cho giáo viên.

5. Xây dựng môi trường giáo dục .

- Phát động phong trào thi đua cho giáo viên toàn trường tạo môi trường, cảnh quan trong và ngoài lớp, kích thích trẻ tham gia hoạt động.

- Phối hợp phụ huynh, Đoàn Thanh niên giúp ngày công để dọn cỏ trồng hoa, khai thông công rãnh để sân vườn sạch đẹp.

- Vận động phụ huynh hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cũng như học liệu cần thiết cho trẻ. Khuyến khích giáo viên phối hợp với phụ huynh và trẻ làm đồ dùng đồ chơi tự tạo. Huy động phụ huynh chung tay góp sức cùng nhà trường tạo cảnh quan môi trường và các góc chơi ngoài trời cho trẻ được tham gia trải nghiệm, hoạt động.

- Thường xuyên thay đổi góc chơi, đồ dùng ở các góc...trong các nhóm, lớp.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục trẻ.

- Giáo viên thực hiện tốt công tác: Xây dựng môi trường giáo dục Xanh - sạch - đẹp – an toàn - thân thiện - gần gũi - sáng tạo đảm bảo tính sư phạm theo hướng mở.

- Các lớp tập trung cải tạo trang trí sảnh, hành lang, trang trí tạo môi trường tại các lớp, góc thiên nhiên đảm bảo đầy đủ các yếu tố như tranh ảnh, chữ viết, đồ chơi và chú ý đến việc trẻ được thực hành trải nghiệm trong các khu vực chơi, đảm bảo đúng chủ đề, đúng nội dung hình ảnh, màu sắc rõ nét, đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động

- Việc sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phải đảm bảo hiệu quả, an toàn, giao cho giáo viên tự quản lý và sử dụng đúng mục đích.

- Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Giáo viên gần gũi cùng tham gia với trẻ, biết khai thác, tận dụng các cơ hội, tình huống thực tế, những thứ có sẵn trong môi trường lớp học và thiên nhiên để dạy cho trẻ, học theo nhu cầu khả

năng, không gò bó, ép buộc trẻ. Tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, khám phá, kích thích trẻ phát triển tư duy.

6. Phát động phong trào thi đua

- Tổ chức nghiêm túc các hội thi cấp trường, tạo không khí thi đua trong các hoạt động của cô, của trẻ góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chương trình của giáo viên. Năm học 2024-2025 nhà trường thực hiện tổ chức các hội thi tại trường như:

- + Hội thi trang trí lớp
- + Hội thi tiết dạy tốt.
- + Hội thi Bé kể chuyện cấp trường
- + Hội thi bé vẽ tranh cấp trường

- Vào đầu năm học, động viên khích lệ 100% giáo viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Hàng tháng căn cứ vào kế hoạch năm học và công tác trọng tâm trong từng tháng triển khai thực hiện, thanh tra kiểm tra, đánh giá nhận xét và nêu gương, xếp loại kịp thời. Biểu dương những CBGV có thành tích nổi trội để làm gương tốt và nhân điển hình để mọi người làm theo.

- Tham mưu với nhà trường và Công đoàn có kinh phí khen thưởng kịp thời cho CBGV đạt thành tích cao trong năm học.

7. Công tác tham mưu

- Nhà trường kịp thời tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo nhằm trang bị cơ sở vật chất trang thiết bị, thực hiện bổ sung kịp thời cho các lớp nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Kịp thời tham mưu với Phòng giáo dục, chỉ đạo thực hiện chuyên môn đúng theo quy định hiện hành.

- Có kế hoạch tham mưu với Lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh.

- Tham mưu, tuyên truyền với UBND xã, các ban ngành đoàn thể ủng hộ về ngày công, kinh phí để tạo môi trường lớp xanh, sạch, đẹp, thân thiện.

8. Công tác tuyên truyền, phối hợp.

Tích cực phối hợp với cơ quan ban ngành, hội, đoàn chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi .

Phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dạy con khoa học cho cha mẹ trẻ và cộng đồng. Tuyên truyền về công tác phòng chống dịch bệnh, phòng các bệnh thường gặp , tuyên truyền việc thực hiện đánh giá theo bộ chuẩn, tuyên truyền về 5 mặt phát triển của trẻ, tuyên truyền về việc tránh dạy trước chương trình lớp một cho trẻ.....

Tích cực phát huy ảnh hưởng của GDMN đối với xã hội

Đổi mới nội dung tuyên truyền về nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đến các bậc cha mẹ phù hợp với chương trình GDMN.

Tổ chức đầy đủ các lễ hội trong năm như : Ngày hội đến trường 5/9; ngày Tết trung thu, ngày hội nhà giáo Việt Nam 20/11, Tết nguyên đán, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, kỉ niệm ngày sinh Bác Hồ, ngày Tết thiếu nhi 1/6, ngày lễ tổng kết năm học: Lễ ra trường cho các cháu MG lớn

9. Công tác xã hội hóa

- Phối hợp 3 môi trường giáo dục để thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của giáo dục mầm non về kiến thức nuôi dạy trẻ theo khoa học.

- Tích cực tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm cùng thực hiện chăm lo xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Thực hiện xã hội hoá GDMN, tranh thủ các nguồn tài trợ từ địa phương và từ các tổ chức xã hội khác nhằm tăng cường cơ sở vật chất trường lớp, công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, bếp ăn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Cán bộ quản lý

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục năm học tới giáo viên.

- Kiểm tra quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.

- Triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện Chương trình GDMN theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo ngày 13/4/2021 hợp nhất về Chương trình GDMN.

- Tổ chức họp chuyên môn mỗi tháng 1 lần để nhân định kết quả thực hiện trong tháng và đưa ra phương hướng thực hiện trong tháng mới.

2. Đối với tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng độ tuổi và triển khai tới toàn thể giáo viên trong tổ.

- Tổ chức họp tổ chuyên môn theo quy định (2 lần/tháng).

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên trong khối.

3. Đối với giáo viên

- Xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế lớp.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo Kế hoạch và điều chỉnh phù hợp.

- Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp; làm đồ dùng dạy học; khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục.

- Tham gia các phong trào, hoạt động chuyên môn do trường và ngành phát động.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục của Trường Mẫu giáo Phước Hậu năm học 2024-2025./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT: b/c;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Võ Thị Thùy Trang

**T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Võ Thị Thùy Trang

BẢNG MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG LỨA TUỔI

1. Mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ 3-4 tuổi:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
<p>I. Phát triển thể chất :</p> <p>1. Phát triển vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. <p>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động</p> <p>* Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). <p>Đi kiễng gót liên tục 3m.</p> <p>*. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. <p>Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.</p> <p>* Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). <p>Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</p> <p>* Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). 	<p>I. Phát triển thể chất</p> <p>1. Phát triển vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. -Lung,bụng,lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải -Chân <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. <p>2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vận động:</p> <p>* Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi vận động :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đi và chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Đi trong đường hẹp. - Bò, trườn, trèo: <ul style="list-style-type: none"> + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. <p>+ Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Bật - nhảy: <ul style="list-style-type: none"> + Bật tại chỗ. +Bật về phía trước. <p>+ Bật xa 20 - 25 cm.</p>

- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt

* Thực hiện được các vận động:

- Xoay tròn cổ tay.
- Gập, đan ngón tay vào nhau.

* Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:

- Vẽ được hình tròn theo mẫu.
- Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.
- Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ.
- Tự cài, cởi cúc.

* **Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:**

Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

1. Trẻ biết tên một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

* Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).

* Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...

* Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:

- Rửa tay, lau mặt, súc miệng.

Tháo tất, cởi quần, áo

- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

- Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:

uống nước đã đun sôi...

- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:

- Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ:

- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.

- Đan, tết.

- Xếp chồng các hình khối khác nhau.

- Xé, dán giấy.

- Sử dụng kéo, bút.

- Tô vẽ nguệch ngoạc.

Cài, cởi cúc

***Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:**

1. Nhận biết một số món ăn thực phẩm và món ăn quen thuộc

- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).

2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.

- Tập rửa tay bằng xà phòng.

- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.

3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn

- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.

- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

- Nhận biết trang phục theo thời tiết.

- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.

<p>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p> <p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và cách phòng tránh</p> <p>- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.</p> <p>- Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.</p> <p>Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <p>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</p> <p>Không tự lấy thuốc uống.</p> <p>- Không leo trèo bàn ghế, lan can.</p> <p>- Không nghịch các vật sắc nhọn.</p> <p>- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</p>	<p>4. Một số nguy cơ không an toàn và cách phòng tránh</p> <p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p>
<p>II. Phát triển nhận thức</p> <p>a) Khám phá khoa học:</p> <p>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p> <p>- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p> <p>- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p> <p>- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi</p> <p>- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p> <p>- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.</p> <p>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p>	<p>II. Phát triển nhận thức</p> <p>a) Khám phá khoa học:</p> <p>1. Các bộ phận của cơ thể con người :</p> <p>- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>2.. Đồ vật:</p> <p><i>Đồ dùng, đồ chơi</i></p> <p>Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi</p> <p><i>Phương tiện giao thông</i></p> <p>Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p> <p>3. Động vật và thực vật</p> <p>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</p> <p>- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.</p> <hr/> <p>4. Một số hiện tượng tự nhiên:</p> <p><i>Thời tiết, mùa</i></p> <p>Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</p> <p><i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i></p> <p>Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</p> <p><i>Nước</i></p>

Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng

Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.

Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình

b) Làm quen với một số khái niệm niệm sơ đẳng toán:

*** Nhận biết số đếm, số lượng**

Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.

Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.

So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.

Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.

Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.

Sắp xếp theo qui tắc

Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.

Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.

So sánh hai đối tượng

So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.

Nhận biết hình dạng

Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.

Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.

c) Khám phá xã hội

Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.
- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.

Không khí, ánh sáng,

Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.

Đất đá, cát, sỏi

Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng toán:

*** Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm**

- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.

- 1 và nhiều

- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.

- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn

*** Xếp tương ứng :**

Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.

*** So sánh, sắp xếp theo qui tắc**

- So sánh 2 đối tượng về kích thước.

Xếp xen kẽ.

*** Hình dạng**

-Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.

-Sử dụng các hình hình học để lắp ghép

*** Định hướng trong không gian và định hướng thời gian**

Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.

c) Khám phá về xã hội

<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. - Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. <p>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. <p>Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh. - Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. 	<p>Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. <p>Một số nghề trong xã hội</p> <p>Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.</p> <p>Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá</p> <p>Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.</p>
<p>III. Phát triển ngôn ngữ</p> <p>1. Nghe hiểu lời nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. - Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... - Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. <p>2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</p> <p>Nói rõ các tiếng</p> <p>Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...</p> <p>Sử dụng được câu đơn, câu ghép.</p> <p>Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..</p> <p>Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</p> <p>Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.</p> <p>Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.</p>	<p>III. Phát triển ngôn ngữ</p> <p>1.Nghe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <p>2. Nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.

<p>Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.</p> <p>Nói đủ nghe, không nói lí nhí.</p> <p>3. Làm quen với việc đọc – viết</p> <p>Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.</p> <p>Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.</p> <p>Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.</p>	<p>3. Làm quen với đọc, viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
<p>IV. Phát triển thẩm mỹ</p> <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</p> <p>Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.</p> <p>Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.</p> <p>Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p> <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p> <p>Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc</p> <p>Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).</p> <p>Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.</p> <p>Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.</p> <p>Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản</p>	<p>IV. Phát triển thẩm mỹ</p> <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật</p> <p>Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật</p> <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p> <p>Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản

<p>Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.</p> <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình) Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình.</p> <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình) - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p>
<p>5. Phát triển TC- KNXH * Ý thức về bản thân - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Nói được điều bé thích, không thích. * Thể hiện sự tự tin, tự lực Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). * Nhận biết và thể hiện cảm xúc tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh: - Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. - Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. * Hành vi và quy tắc ứng xử XH - Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. - Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... - Chú ý nghe khi cô, bạn nói. - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.</p>	<p>5. Phát triển TC-KNXH * Ý thức về bản thân - Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. <i>- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.</i> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> <p>* Hành vi và quy tắc ứng xử XH - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Chơi hoà thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</p>

<p>* Quan tâm đến môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. - Bỏ rác đúng nơi quy định. 	<p>* Quan tâm đến môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
---	---

2. Mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ 4-5 tuổi

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</p> <p>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>+ Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p> <p>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động</p> <p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. <p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc). <p>2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). 	<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</p> <p>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. <p>*Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> +Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. +Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. +Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối <p>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. - Bò, trườn, trèo: <ul style="list-style-type: none"> + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng.

-Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).

- **Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp**

2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

-Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.

-**Ném trúng đích ngang (xa 2 m).**

- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt

3.1. Thực hiện được các vận động:

- Cuộn - xoay tròn cổ tay.

- Gập, mở, các ngón tay.

3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:

-Vẽ hình người, nhà, cây.

-Cắt thành thạo theo đường thẳng.

-Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.

-Biết tết sợi đôi.

Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

1. 1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:

- Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.

Rau, quả chín có nhiều vitamin.

1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

1.3. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

+ Trèo qua ghề dài 1,5m x 30cm.

+ Trèo lên, xuống 5 gióng thang.

- - Tung, ném, bắt:

+ Tung bóng lên cao và bắt.

+ Tung bắt bóng với người đối diện.

+ Đập và bắt bóng tại chỗ.

+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.

+ Ném trúng đích bằng 1 tay.

+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.

- Bật - nhảy:

+ Bật liên tục về phía trước.

+ Bật xa 35 - 40cm.

+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).

+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.

+ Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.

+ Nhảy lò cò 3m.

3. Cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ

Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...

- Gập giấy.

- Lắp ghép hình.

- Xé, cắt đường thẳng.

- Tô, vẽ hình.

- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).

- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.

- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:

- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.

2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.
- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...
- Không uống nước lã.

3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:

- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giấy khi đi học.
- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

Bỏ rác đúng nơi qui định.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.

4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.

4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:

Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....

- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.

- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.

4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:

- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).

2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Tập đánh răng, lau mặt.
- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn

- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.

- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.

- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.

- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.

- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.

- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

<p>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	
<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p> <p><i>a) Khám phá khoa học</i></p> <p>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p> <p>1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....</p> <p>1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p>1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p> <p>1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p> <p>1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p> <p>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p> <p>2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”</p> <p>2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p> <p>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</p> <p>3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p>	<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p> <p><i>a) Khám phá khoa học</i></p> <p>1. Các bộ phận của cơ thể con người Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>2. Đồ vật: <i>Đồ dùng, đồ chơi</i></p> <p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p><i>Phương tiện giao thông</i></p> <p>Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>3. Động vật và thực vật Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</p> <p>4. Một số hiện tượng tự nhiên: <i>Thời tiết, mùa</i></p> <p>Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p> <p><i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i></p> <p>Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p> <p><i>Nước</i></p> <p>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</p> <p>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</p> <p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p>

3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...

1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.

1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.

1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.

1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.

1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.

1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

2. Sắp xếp theo qui tắc

Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.

3. So sánh hai đối tượng

Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.

4. Nhận biết hình dạng

4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...).

4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.

5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

Không khí, ánh sáng,

- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.

Đất đá, cát, sỏi

Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm

- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5

Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.

- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.

- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).

2. Xếp tương ứng

Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.

3. So sánh, sắp xếp theo qui tắc

- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.

*** So sánh, sắp xếp theo qui tắc**

- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc

4. Đo lường

- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.

- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.

5. Hình dạng

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.

- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian

- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).

- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối

<p><i>c) Khám phá xã hội</i></p> <p>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</p> <p>1.1 Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.2 Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p> <p>1.3 Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.4 Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.5 Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>1.6 Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p> <p>Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</p> <p>3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội .</p> <p>3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.</p>	<p><i>c) Khám phá xã hội</i></p> <p>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <p>- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.</p> <p>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.</p> <p>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>2. Một số nghề trong xã hội</p> <p>Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá -Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.</p>
<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</p> <p>1. Nghe hiểu lời nói</p> <p>1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</p> <p>1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...</p> <p>1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.</p> <p>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</p> <p>2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được</p> <p>2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...</p> <p>2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.</p> <p>2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.</p>	<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</p> <p>1. Nghe</p> <p>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.</p> <p>- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p> <p>2. Nói</p> <p>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.</p> <p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.</p> <p>- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.</p> <p>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.</p>

<p>2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</p> <p>2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.</p> <p>2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.</p> <p>2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.</p> <p>2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</p> <p>3. Làm quen với việc đọc – viết</p> <p>3.1. Chọn sách để xem.</p> <p>3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.</p> <p>3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẽ”).</p> <p>3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..</p> <p>3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..</p>	<p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p> <p>- Kể lại truyện đã được nghe.</p> <p>- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.</p> <p>- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.</p> <p>- Đóng kịch.</p> <p>3. Làm quen với đọc, viết</p> <p>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)</p> <p>- Nhận dạng một số chữ cái.</p> <p>- Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p> <p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</p> <p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</p> <p>- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.</p> <p>- Giữ gìn, bảo vệ sách.</p>
<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</p> <p>1. Thể hiện ý thức về bản thân</p> <p>1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.</p> <p>1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.</p> <p>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</p> <p>2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p> <p>2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).</p> <p>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</p> <p>1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p> <p>3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p> <p>3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</p> <p>3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p>	<p>GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</p> <p>1. Phát triển tình cảm</p> <p>* <i>Ý thức về bản thân</i></p> <p>- Tên, tuổi, giới tính.</p> <p>- Sở thích, khả năng của bản thân.</p> <p>* <i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh</i></p> <p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</p> <p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.</p> <p>- Kính yêu Bác Hồ.</p> <p>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> <p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <p>- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).</p>

3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.

4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.

4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.

4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.

4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).

5. Quan tâm đến môi trường

5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.

5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.

5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.

5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.

1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.

1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.

- Chờ đến lượt, hợp tác.

Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.

- Quan tâm, giúp đỡ bạn.

- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.

- *Quan tâm đến môi trường*

- Tiết kiệm điện, nước.

- Giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật

Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc¹ và hoạt động tạo hình

- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).

- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

<p>2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).</p> <p>2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</p> <p>2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.</p> <p>2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.</p> <p>2.6. Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</p> <p>2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.</p> <p>2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.</p> <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <p>3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.</p> <p>3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.</p> <p>3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p>	<p>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.</p> <p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu</p> <p>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.</p> <p>- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.</p> <p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.</p> <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <p>-Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.</p> <p>-Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.</p> <p>- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</p> <p>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</p> <p>- Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p>
---	---

3. Mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ 5-6 tuổi:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
<p>Phát triển thể chất * Phát triển vận động 1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của các bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	<p>Phát triển thể chất * Phát triển vận động 1. Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.</p>

<p>2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.</p> <p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. <p>Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.</p> <p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). <p>2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. <p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. <p>- Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau <p>2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p> <p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. <p>Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.</p> <p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đi và chạy: <ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) đi trên ván dốc kê dốc. - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm khoảng 100-120m <ul style="list-style-type: none"> • Bò, trườn, trèo: <ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1.5m x 0.6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5-30cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang * Tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Đập và bắt được bóng bằng 2 tay * Bật-nhảy: <ul style="list-style-type: none"> - Bật qua vật cản cao 15-20cm - Bật tách khếp chân qua 7 ô
---	--

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

3.1. Thực hiện được các vận động:

- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.
- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
- Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động.

+ Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu

+ Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số

+ Cắt được theo đường viền của hình vẽ

+ Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu

+ Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).

- Thường xuyên cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa

- Tự tô màu đều, không chồm ra ngoài, không có người giúp đỡ

- Thường xuyên đường cắt lượn theo nét vẽ và hầu như không rách

- Tự làm không phải nhờ người khác giúp đỡ

- Bôi hồ đều

- Các chi tiết không chồng lên nhau

- Dán hình vào bức tranh phẳng phiu

2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe: 2.1 Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:

- Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...
Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...

- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

- Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều

- Bất liên tục vào vòng.

- Bất xa 40-50cm

- Bất-nhảy từ trên cao xuống (40-50cm)

- Nhảy lò cò 5 m.

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.

- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay:
+ Bề, nắn.

+ Lắp ráp...

+ Tô, đồ theo nét

+ Xé, cắt đường vòng cung

+ Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.

- Tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ

- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.

- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.

2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:

2.1 Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.

- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống

- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)

- Tự nhận ra thức ăn có mùi, màu lạ biết không ăn được và không ăn

đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

2.2 Thực hiện một số việc phục vụ trong sinh hoạt.

Thực hiện được một số việc đơn giản:

- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.

-Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.

-Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

2.3 Có một số hành vi trong và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.

Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:

- + Mời cô,mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
- + Không đùa nghịch, không làm đổ vỡ thức ăn.

+ Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau

+ Không uống nước lã, không ăn quà vặt ngoài đường

- Có một số hành vi thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:

+ Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy

+ Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.

+ Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...

+ Thường xuyên biết che miệng khi ho, khi ngáp, hắt hơi

+ Tự chải tóc khi bị rối không để cô giáo nhắc

+ Tự chỉnh lại quần áo khi bị xô lệch không để cô giáo nhắc

+ Đi vệ sinh đúng nơi qui định.

+Bỏ rác đúng nơi qui định;không nhỏ bậy ra lớp.

2.4 Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.

- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm

- Kể được một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày

- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe

2.2 Tập làm một số việc phục vụ trong sinh hoạt.

- Tập luyện kỹ năng:đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.

- Đi vệ sinh đúng nơi qui định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

- Tự mặc và cởi được quần áo

- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi ăn đi vệ sinh và khi tay bẩn

- Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày

2.3 Giữ gìn sức khỏe và an toàn

-Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.

- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể,vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết

- Ích lợi của trang phục phù hợp với thời tiết

- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm,nguyên nhân và cách phòng tránh.

- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật nguy hiểm đến tính mạng.

- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

- Che miệng khi ho hắt hơi,hắt hơi,ngáp

- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.

- Biết và không ăn uống, uống một số thứ có hại cho sức khỏe

2.4 Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.

- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm

<p>khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần <p><i>Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sắc,.... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ để bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ <p><i>Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: <ul style="list-style-type: none"> + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. <p>Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p> <p>Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. <p>Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đồng tình khi thấy người nào đó hút thuốc lá 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm - Trẻ biết không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. <ul style="list-style-type: none"> - Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép <ul style="list-style-type: none"> -Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã ,chảy máu -Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc lá.
<p>Phát triển nhận thức</p> <p>1.Khám phá khoa học</p> <p><i>* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... 	<p>Phát triển nhận thức</p> <p>1.Khám phá khoa học</p> <p><i>* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</i></p>

- Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.

- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.

- Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.

1.1 Các bộ phận của cơ thể con người.

- Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể

1.2 Đồ vật

* Đồ dùng, đồ chơi

-Trẻ nói được đặc điểm,công dụng của một số đồ dùng đồ chơi

-Biết mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm,cấu tạo,cách sử dụng đồ dùng đồ chơi

-Biết so sánh sự giống và khác nhau của đđdc

-Xếp những đồ dùng đó vào 1 nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu

*** Phương tiện giao thông**

- Trẻ nói được đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông

- Trẻ nhận biết được một số loại phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không.

1.3 Nhận biết mối quan hệ của sự vật,hiện tượng và giả quyết vấ n đề đơn giản

- Nhận biết được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.Ví dụ “nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”

1.1 Các bộ phận cơ thể con người

- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.

1.2 Đồ vật

* Đồ dùng, đồ chơi

- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi

- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng,đồ chơi

- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.

- Phân loại được 1 số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng

- Đặc điểm bên ngoài nổi bật của các chất liệu: gỗ, nhựa, kim loại, vải...

*** Phương tiện giao thông**

- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu

- Phân biệt một số biểu báo giao thông đường bộ đơn giản

1.3. Nhận biết mối quan hệ của sự vật, hiện tượng và giả quyết vấ n đề đơn giản

- Thích khám phá các sự vật,hiện tượng xung quanh

- Thường xuyên giải quyết những vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau

- Hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi sự vật hiện tượng xungquanh.

- Trẻ giai quyết được những vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi những sự vật, hiện tượng xung quanh, hay đặt câu hỏi: tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?..

1.4 Động vật và thực vật

- Nhận xét ,thảo luận về đặc điểm,sự khác nhau,giống nhau của các đối tượng được quan sát

- Biết chăm sóc và bảo vệ cây trồng và vật nuôi.

- Nhận biết quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.

- Trẻ biết quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.Ví dụ:thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.

- Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.

- Trẻ phân biệt được nhóm (cây cối, con vật, đồ vật....) theo 1 dấu hiệu chung nào đó và nói tên nhóm

- Gọi tên từng giai đoạn phát triển của cây hoặc con vật thể hiện trên tranh ảnh

- Xếp nói đúng trình tự phát triển gieo hạt, nảy mầm ra lá, ra hoa, kết quả).

1.5 Một số hiện tượng thiên nhiên

** Thời tiết và mùa*

- Biết một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.

- Biết sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

- Trẻ nói được tên mùa, đặc điểm, đặc trưng của mùa (vd mùa hè thì nắng, nóng, mưa rào, mùa đông trời lạnh, mưa phùn...)

** Ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng*

1.4 Động vật và thực vật

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa các con vật, cây cối môi trường sống.

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

- Quá trình phát triển của cây,con vật,các điều kiện sống và nơi sống của một số loại cây, con vật

- Đặc điểm, ích lợi và tác hại, điều kiện sống của cây, hoa, quả, con vật gần gũi.

- So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.

- Phân loại cây,hoa,quả,con vật theo 2-3 dấu hiệu

- Gọi tên nhóm cây cối,con vật theo đặc điểm chung

- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật 1 số hiện tượng tự nhiên

1.5 Một số hiện tượng tự nhiên

** Thời tiết và mùa*

- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.

- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa..

- Nói được các đặc điểm nổi bật các mùa trong năm nơi trẻ sống

** Ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng*

- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng

** Nước*

- Các nguồn nước trong môi trường sống.

<ul style="list-style-type: none"> - Biết sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng * <i>Nước</i> - Nhận biết các nguồn nước trong môi trường sống. - Nhận biết ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Biết được một số đặc điểm, tính chất của nước. - Biết được nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Biết giữ gìn và bảo vệ nguồn nước.. . * <i>Không Khí</i> - Nhận biết đất, đá, cát, sỏi và vài đặc điểm, tính chất của chúng. * <i>Đất, đá, sỏi, cát</i> - Trẻ nhận biết được một số đặc điểm tính chất của đất, đá, sỏi, cát. <p>2. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>2.1 Nhận biết số đếm, số lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi “Bao nhiêu?”, “Đây là mấy”... - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Gộp các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm - Tách gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. - Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. - Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. <p>2.2 Xếp tương ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sắp xếp một đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. <p>2.3 So sánh, sắp xếp theo qui tắc</p> <p>Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Giữ gìn và bảo vệ nguồn nước <p>*<i>Không khí</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. <p>*<i>Đất, đá, cát, sỏi</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm, tính chất của đá, đất, cát, sỏi <p>2. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>2.1 Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Các chữ, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số biển xe...) <p>2.2 Xếp tương ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan <p>2.3 So sánh, sắp xếp theo qui tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc - Tạo ra qui tắc sắp xếp
---	---

Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp

Đo lường

- Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả đo

2.4 Nhận biết hình dạng

- Gọi tên và chỉ ra các điểm giống khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.

- Biết ghép các hình học để tạo thành các hình theo ý thích và yêu cầu.

- Biết tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.

2.5 Nhận biết các vị trí trong không gian và định hướng thời gian.

- Nói được vị trí :trong ngoài, trên dưới, trước sau, phải trái, của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian-Sắp xếp vị trí của sự vật theo yêu cầu VD đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải búp bê ...

- Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy.

- Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì

- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v..v.

- Nói được hiện tượng và giải thích được dự đoán của mình, Vd: “trời nhiều mây đen suy ra sắp mưa. Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến. Trả lời được câu hỏi :Bố /mẹ làm nghề gì? Bố mẹ làm việc ở đâu?

- Trẻ biểu lộ cảm xúc (qua nét mặt, cử chỉ, động tác) phù hợp với giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc khi nghe hát, nghe nhạc.

Hát đúng lời bài hát. Hát đúng giai điệu

- Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài

Đo lường

- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau

- Đo tích độ dài các vật,so sánh và diễn đạt kết quả đo

- Đo dung tích các vật,so sánh và diễn đạt kết quả đo.

2.4 Hình dạng

- Nhận biết,gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối trong thực tế.

- Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.

2.5 Định hướng trong không gian và định hướng thời gian

- Xác định được vị trí của đồ vật (trong ngoài, trên, dưới, trước sau, phải, trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác với 1 vật nào đó làm chuẩn.

- Nhận biết được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày

- Gọi tên các ngày trong tuần.

- Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.

- Kể được 1 số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống

- Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống;

- Nhận ra giai điệu bản nhạc (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc

- Hát đúng, giai điệu bài hát trẻ em

<p>hát hoặc bản nhạc . Vận động vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trên 2 loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm - Đặt tên cho sản phẩm. Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?. - Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...). Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0. Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được - Tách 10 đồ vật thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau (Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt v.v..) - Nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau - Chọn được dụng cụ làm thước đo (quyển vở,cái thước,bước chân...)-Đặt thước đo liên tiếp.-Nói đúng kết quả đo (VD :bằng 5 quyển sách,4 cái thước...) - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc/kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu - Nói được lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. Nói được ngày trên lịch (đọc ghép số). Nói được giờ chẵn trên đồng hồ(VD bây giờ là 2 h,3h...) - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới)- Nhận ra về những thay đổi / mới xung quanh.- công dụng của sự vật - Tháo lắp lại cấu tạo của sự vật .Đặt câu hỏi cái gì đây? Để làm gì? Như thế nào tại sao?. - Phát hiện ra hiện tượng . Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó - Giải thích bằng mẫu câu.Tại vì...nên - Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác. Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc - Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm 1 sản phẩm đơn giản - Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 - Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. - Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo - Chỉ được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ theo yêu cầu - Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ - Hay đặt câu hỏi. - Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh - Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân,kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. - Loại được đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và Tiếp tục thực hiện theo quy tắc - Đặt tên mới cho đồ vật , câu chuyện, đặt lời mời cho bài hát -Thực hiện 1 số công việc theo cách riêng của mình
---	--

- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...). Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. Nói tại sao lại sắp xếp như vậy. Đặt được tên mới cho đồ vật câu chuyện. Đặt được lời mới cho bài hát

- Có cách thực hiện công việc theo cách riêng của mình. Đạt được kết quả theo yêu cầu của công việc

- Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau.

- Có những vận động minh họa \múa mới.

- Cắt, xé, dán, vẽ những bức tranh, nặn tượng độc đáo.

- Đặt tên mới / mở đầu / tiếp tục / kết thúc câu chuyện theo theo cách khác

3. Khám phá xã hội

Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng

Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.

Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.

Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

Một số nghề trong xã hội

Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới

Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá

Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em

- Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động.

- Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác

3. Khám phá xã hội

Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng

-Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.

Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình

-Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.

-Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.

Một số nghề trong xã hội

Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá

Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.

<p>treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.</p> <p>Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.</p>	
<p>Phát triển ngôn ngữ</p> <p>1. Nghe hiểu lời nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái”. - Lắng nghe và hiểu được sự chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động -Thực hiện được nhiệm vụ phù hợp với chỉ dẫn -Thường xuyên nhận ra và nói một số từ khái quát. VD: Nhóm đồ dùng đựng nước uống là bao gồm ca, cốc, tách, ly, chén) -Tự lựa chọn các sự vật, hiện tượng trong tập hợp nhóm theo yêu cầu. - Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. -Thể hiện mình hiểu ý chính của câu truyện, thơ, đồng dao, tên các nhân vật, tình huống trong câu chuyện. - Tự trẻ hoặc có 1-2 lần phải có sự gợi ý của cô giáo kể được nội dung chính trong câu chuyện, bài thơ trẻ được nghe -Trẻ lắng nghe và nhận ra cảm xúc vui, buồn, tức giận ngạc nhiên, sợ hãi qua ngữ điệu, lời nói của người khác -Thể hiện được cảm xúc qua ngữ điệu lời nói của trẻ <p>3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. - Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... 	<p>Phát triển ngôn ngữ</p> <p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu và thực hiện các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động. - Hiểu được nghĩa từ khái quát: chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi <p>3.2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?” “Có gì giống nhau?” “Có gì khác nhau?” “Do đâu mà có?” -Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.

<ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật. - Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... - Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. - Đóng được vai của nhân vật trong truyện. - Sử dụng các từ: “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, “ạ”, “vâng”... phù hợp với tình huống. - Nói rõ ràng trong giao tiếp không có hoặc chỉ có một chút khó khăn trong phát âm từ - Thường xuyên dùng đúng danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm trong câu nói của trẻ và phù hợp với hoàn cảnh. - Tự sử dụng đúng các loại câu, khẳng định, phủ định, nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với tình huống - Trẻ nói rõ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình theo cách không bị người khác hiểu sai hoặc có sự giúp đỡ diễn đạt không lời - Trẻ trao đổi, thỏa thuận, chỉ dẫn bạn bè theo cách của trẻ để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác trong quá trình hoạt động. - Tự kể lại sự việc, hiện tượng rõ ràng, theo trình tự lô gic về sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Khi nghe chưa rõ trẻ có thể kể chậm lại, giải thích lại. - Thường xuyên tự kể lại được nội dung chuyện (trẻ đã nghe kể) một cách rõ ràng, thể hiện cảm xúc, cử chỉ, nét mặt. - Chủ động nói chuyện với bạn bè, người lớn (khi gặp bạn mới, khách đến lớp) - Cuộc nói chuyện được duy trì và phát triển. - Tự điều chỉnh được giọng nói, ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu giao tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?” “Như thế nào?” “Làm bằng cái gì?” - Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Đóng kịch - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Nói rõ ràng - Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày - Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp - Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân - Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động; - Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được - Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. - Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp - Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp - Chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác - Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói - Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống - Trẻ biết không nói tục, chửi bậy
---	--

-Nhìn vào người nói. Thể hiện mình hiểu thông tin được nói ra, trả lời được câu hỏi, gật gù, mỉm cười, đề nghị làm rõ điều chưa hiểu

- Giơ tay khi muốn nói, không nói chen vào khi người khác đang nói..

- Trẻ thường xuyên chủ động dùng câu hỏi để hỏi lại khi không hiểu người khác nói hoặc thể hiện qua cử chỉ, điệu bộ rằng trẻ không hiểu lời nói của người khác.

- Trẻ chủ động sử dụng các từ :cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt,...trong các tình huống phù hợp không cần người lớn nhắc nhở.

- Giáo dục kỹ năng trong giao tiếp không nói tục, chửi bậy

3.3 Làm quen với việc đọc – viết.

- Chọn sách để “đọc” và xem.

- Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.

- Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

- Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông...

- Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.

- Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.

- Trẻ thường xuyên chơi ở các góc sách hay hỏi về chữ ,bắt chước hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe ... Trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy 1 cách thoải mái trong giờ chơi...

- Thường xuyên thể hiện hứng thú khi nghe cô giáo đọc sách cho cả lớp. Tích cực hỏi và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung sách cô đọc. Thường chơi ở góc sách “đọc sách tranh”

- Trẻ thường xuyên để sách đúng nơi qui định .Cầm sách cẩn thận. Không ném, vẽ bậy, xé làm nhăn, nhào hỏng sách, ngồi dẫm lên sách

3.3.Làm quen với đọc viết.

- Giữ gìn bảo vệ sách.

-“Đọc” truyện qua các tranh vẽ.

- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:
+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.

+ Hướng viết của các nét chữ ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)

- Nhận dạng các chữ cái

- Tập tô, tập đồ các nét chữ.

- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình

-Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh

-Thể hiện sự thích thú với sách

-Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.

-Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống

- Có một số hành vi như người đọc sách

-“Đọc” theo truyện tranh đã biết

- Biết kể chuyện theo tranh.

- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.

- Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;

<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra và biết được ý nghĩa của các kí hiệu quen thuộc trong cuộc sống (kí hiệu đồ dùng cá nhân,biên báo giao thông ,không hút thuốc lá, vứt rác vào thùng rác, nhà vệ sinh) - Trẻ thể hiện đúng các hành vi, kĩ năng của người đọc, cầm sách đúng chiều và biết cách lật trang (giở trang sách từ trái sang phải,giở từng trang. Đọc từ trên xuống dưới, đọc từ trái qua phải - Trẻ đọc nội dung chính phù hợp với tranh - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh họa. Nói được thứ tự của sự việc từ các bức tranh và có thể kể được nội dung chính của câu chuyện qua tranh vẽ . Hiểu rằng chữ viết có 1 ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau VD viết thư, viết thiệp.... - Trẻ thể hiện tranh vẽ đúng tình huống, sự kiện của câu chuyện (nhân vật, hành động của nhân vật) - Sao chép được các từ theo trật tự . Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong các hoạt động hàng ngày. Sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các kí hiệu biểu đạt ý tưởng hay 1 thông tin nào đấy - Trẻ tự viết tên của mình theo trí nhớ không cần sự giúp đỡ. Các chữ viết đúng thứ tự ,các chữ cái có thể viết hoa, viết thường - Trẻ thực hiện viết theo đúng qui tắc của tiếng việt là từ trái sang phải ,từ trên xuống dưới. Chỉ được chữ trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới - Nhận dạng được ít nhất 10 chữ cái và phát âm đúng - Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... -Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện. - Trẻ phát âm được các tiếng có phụ âm đầu,phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. - Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình - Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới - Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè. - Đóng kịch - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu,phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
--	---

Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**1. Phát triển tình cảm.****1.1. Ý thức về bản thân**

- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.

- Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.

- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).

- Biết mình là con / cháu / anh / chị / em trong gia đình.

- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.

Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Nhận ra ít nhất 4 trạng thái cảm xúc của người khác khi họ: vui buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ

- Nhận ra tâm trạng của người thân, bạn bè (buồn, hay vui)

- An ủi người thân và bạn bè khi họ buồn rầu

- Chúc mừng ca ngợi cổ vũ người thân khi có niềm vui

- Nhận ra được cái đẹp

- Thể hiện được sự thích thú, reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm ngía muốn sở hữu

- Họ và tên của bản thân; tên trường, lớp đang học; họ và tên của bố, mẹ; địa chỉ của gia đình, số điện thoại

- Trẻ trai: mạnh mẽ dứt khoát

- Trẻ gái nhẹ nhàng ý tứ

- Trang phục phù hợp với giới tính

- Nói việc mình có thể làm được phù hợp với khả năng thực tế của bản thân

- Nói được điều mình thích, đúng với thực tế

- Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn trò chơi, đồ chơi và các hoạt động khác theo sở thích của bản thân

- Cố gắng thuyết phục bạn, người liên quan để những đề xuất của mình được thực hiện

Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**1. Phát triển tình cảm****1.1. Ý thức về bản thân.**

- Sở thích, khả năng của bản thân.

- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.

- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.

- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).

- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.

- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.

Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) của người khác

- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè

- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.

- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp

- Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình

- Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân

- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân

- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân

- Kính yêu Bác Hồ.

- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.

- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng

- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc

- Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày .

- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.

- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)

- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.

- Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.

2. Phát triển kỹ năng xã hội

Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội.

- Thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.

- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.

- Chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

- Biết chờ đến lượt.

- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.

- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).

- Nhận ra hành vi, thái độ cảm xúc của bản thân chưa phù hợp với hoàn cảnh và tự điều chỉnh hành vi thái độ phù hợp

- Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn. Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung

- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái

- Chủ động đến nói chuyện. Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi

- Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. Sẵn sàng trao đổi,

2. Phát triển kỹ năng xã hội

Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội.

- Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).

- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.

- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.

- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.

- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.

- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.

- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh

- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích

- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi

- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi

- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi

- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn

- Có nhóm bạn chơi thường xuyên

- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động

- Lắng nghe ý kiến của người khác

- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn

- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè

- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè

- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.

- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác

- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn

hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn

- Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.

- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau

- Tuân theo trật tự, chờ đến lượt tham gia các hoạt động

- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự

- Trình bày ý kiến của mình với các bạn- Trao đổi để thoả thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung. Khi trao đổi thái độ bình tĩnh tôn trọng lẫn nhau, không ngắt ngang khi người khác đang trình bày

- Khi xảy ra chuyện bất đồng ý kiến hoặc tranh giành nhau, trẻ:

+ Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thoả hiệp).

+Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ

- Thực hiện sự phân công của người khác, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ

- Tự giác và phối hợp thực hiện những việc đơn giản cùng các bạn- Phối hợp với các bạn khi thực hiện

- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác (con cho bạn ấy con khủng long vì con thấy bạn ấy buồn. Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào

- Biết và thực hiện các quy tắc sau trong sinh hoạt hàng ngày : Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, mếu chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi

- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết

<p>- Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng...). Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn. Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung.</p> <p>Quan tâm đến môi trường.</p> <p>- Chăm sóc cây hàng ngày, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây</p> <p>- Chăm sóc các con vật quen thuộc hàng ngày, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm các con vật thân quen</p> <p>- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.</p> <p>- Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh</p> <p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).</p> <p>- Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon).</p> <p>- Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...). Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,...</p> <p>- Đồng ý, hay nêu ý kiến về nhận xét của cô về nhóm mình.</p>	<p>Quan tâm đến môi trường.</p> <p>- Tiết kiệm điện, nước.</p> <p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</p> <p>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối</p> <p>- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;</p> <p>- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày</p> <p>- Nói được khả năng và sở thích của bạn và người thân</p> <p>- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình</p> <p>- Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.</p>
<p>Phát triển thẩm mỹ</p> <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p> <p>- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp)</p>	<p>Phát triển thẩm mỹ</p> <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <p>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>

theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.

- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.

5.2 Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.

- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...

- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

- Sử dụng trên 2 sản phẩm trở lên để làm vật liệu đơn giản

- Trẻ biết đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).

- Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.

- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, CHẬM, PHỐI HỢP)

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

5.2 Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.

- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).

- Trẻ nghe và cảm nhận được sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.

- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc

- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.

- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm

- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục

- Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.

- Các kĩ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc bố cục.

- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản

- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.

3 .Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.

<ul style="list-style-type: none"> - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Trẻ biết lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm -Trẻ biết đặt tên cho bài hát,bản nhạc -Trẻ biết lựa chọn những nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm tạo hình. - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> -Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp). - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. -Đặt tên cho sản phẩm của mình
---	--